

BÁO CÁO

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020, phương án sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020, Phòng tài chính kế toán kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ một số nội dung chính sau đây:

I. Tình hình tài chính năm 2020:

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Sản lượng xi măng sản xuất	Tấn	236.805,5	297.229	↑ 25,52%
2	Sản lượng Clinker sản xuất	Tấn	186.751	202.260	↑ 8,3%
3	Sản lượng xi măng tiêu thụ	Tấn	245.038	298.698	↑ 21,9%
4	Sản lượng Clinker tiêu thụ	Tấn	13.126	0	
5	Tổng tài sản	Tr.đ	459.404	427.371	↓ 7,0%
-	Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	84.097	66.533	↓ 20,88%
-	Tài sản dài hạn	Tr.đ	375.307	360.838	↓ 3,86%
6	Tổng nguồn vốn	Tr.đ	459.404	427.371	↓ 7,0%
-	Nợ phải trả	Tr.đ	601.172	601.539	↑ 0,06%
-	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	507.214	507.581	↑ 0,07%
-	Nợ dài hạn	Tr.đ	93.958	93.958	
-	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	(141.768)	(174.168)	↓ 22,85%
7	Doanh thu	Tr.đ	223.005	264.227	↑ 18,5%
8	Lợi nhuận	Tr.đ	(64.748)	(32.665)	↑ 50,45%
9	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		0,17	0,13	↓ 23,53%
10	Khả năng thanh toán nhanh		0,08	0,08	

2. Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Trong những năm gần đây, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nên Nhà nước đã thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công nhằm ổn định kinh tế vĩ mô... Do đó, hàng loạt dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản bị đình trệ. Khối lượng xây dựng giảm, nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng giảm, trong đó có xi măng. Năm 2020, mặc dù chưa hoàn toàn thoát khỏi những khó khăn nhưng lĩnh vực xây dựng đã có dấu hiệu phục hồi tích cực với sự phục hồi chung của nền kinh tế, nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng trở lại, nhu cầu xây dựng của người dân tăng và việc đẩy mạnh đầu tư xây dựng các công trình từ nguồn vốn ngân sách. Giá bán xi măng hiện nay chưa có biến động lớn Xi măng tại các nhà máy và giá bán lẻ xi măng trong năm 2020 có tăng so với cuối năm 2019. Giá bán lẻ xi măng tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung phổ biến từ 1.050.000 -1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.460.000 -1.850.000 đồng/tấn). Điều này một phần là do đẩy mạnh xuất khẩu, mặt khác do có sự điều chỉnh trong những năm vừa qua. Sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng cũng có nhiều chuyển biến. Khép lại năm 2020, ngành xi măng có kết quả với tổng sản phẩm tiêu thụ đạt 100,14 triệu tấn, tăng 1% so với năm 2019, riêng xi măng tiêu thụ nội địa đạt 62,12 triệu tấn, giảm 4,0% so với năm 2019, xuất khẩu đạt 38,02 triệu tấn tăng 12% so với năm 2019. Dự báo, tiêu thụ xi măng năm 2021 sẽ tăng trưởng từ 5 – 7%, sản lượng đạt 104 – 107 triệu tấn. *(Theo Số liệu của Hiệp hội xi măng báo cáo và đăng tải trên website ximang.vn).*

- Hoạt động của dây chuyền sản xuất cơ bản ổn định và phát huy được công suất của thiết bị. Chất lượng sản phẩm được giữ vững, sản phẩm của Công ty có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu “Xi măng Vĩnh Phú” chiếm được niềm tin của người tiêu dùng .

b. Khó khăn:

Các nhân tố vĩ mô ảnh hưởng đến SXKD: Dự báo năm 2021, tình hình kinh tế cả nước vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng đầu tư không có nhiều đột biến, thị trường bất động sản phục hồi chậm. Bên cạnh đó, dự báo năm 2021 nguồn cung xi măng ra thị trường sẽ tiếp tục tăng lên, công suất toàn ngành dự báo đạt 122 triệu tấn, ngành xi măng sẽ dư cung từ 8% - 15% so với nhu cầu tiêu thụ

nội địa, làm tăng áp lực tiêu thụ của của toàn ngành xi măng, đặc biệt là áp lực tiêu thụ trong xuất khẩu xi măng.

Ngoài những yếu tố thuận lợi giúp Công ty phát triển bền vững thì tình hình tài chính của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn:

- Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clanhke/ngày hoạt động chưa đạt công suất thiết kế (56,2%), trong năm chỉ hoạt động được 191 ngày – 3.953 giờ.

- Giá thành sản xuất sản phẩm ở mức cao do nhiều yếu tố chủ quan lẫn khách quan, trong đó bị tác động do yếu tố kỹ thuật và quy trình công nghệ là chủ yếu.

- Các nhà cung cấp và nhà phân phối đang hạn chế cung cấp nguyên vật liệu đầu vào do không đáp ứng được các điều khoản thanh toán (nợ phải trả tăng) do không vay được vốn lưu động.

3. Quan hệ với các tổ chức tín dụng và các khách hàng :

STT	Đối tượng khách nợ	Đơn vị	Công nợ tính đến 31/12/2020
1	Gốc vay ngắn hạn	Đồng	16.879.642.714
-	<i>Ngân hàng Vietinbank</i>	<i>Đồng</i>	<i>520.000.000</i>
-	<i>Ngân hàng BIDV</i>	<i>Đồng</i>	<i>16.359.642.714</i>
2	Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân	Đồng	27.101.789.207
3	Gốc vay dài hạn trả các năm tiếp theo	Đồng	216.290.071.518
	<i>- Ngân hàng Phát triển</i>	<i>Đồng</i>	<i>96.611.272.092</i>
	<i>- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển</i>	<i>Đồng</i>	<i>60.362.473.779</i>
	<i>- Ngân hàng Quốc tế</i>	<i>Đồng</i>	<i>59.316.325.647</i>
4	Nợ lãi vay dài hạn	Đồng	156.231.499.115
	<i>- Ngân hàng Quốc tế</i>	<i>Đồng</i>	<i>45.490.100.549</i>
	<i>- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển</i>	<i>Đồng</i>	<i>27.652.041.618</i>
	<i>- Ngân hàng Phát triển</i>	<i>Đồng</i>	<i>83.089.356.948</i>

Qua việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, phân tích khả năng thực hiện phương án sản xuất kinh doanh và đưa ra kế hoạch cụ thể cho năm 2021, để thực hiện được Công ty CP xi măng Phú Thọ cần số vốn lưu động tối thiểu từ 70 – 80 tỷ đồng. Mặc dù đã được các ngân hàng tạo điều kiện cho vay vốn ngắn hạn, tuy nhiên năm 2020 công ty vẫn thiếu hơn 60 tỷ đồng vốn lưu động trực tiếp phục vụ sản xuất. Việc thiếu vốn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD, Công ty đã nhiều lần phải ngừng sản xuất do không đủ nguyên vật liệu đáp ứng chạy dây truyền, do đó

năng suất sản phẩm không cao trong khi đó chi phí cố định là không thay đổi làm tăng giá thành sản phẩm. Việc dùng lò thường xuyên cũng ảnh hưởng đến mức độ hoạt động ổn định và tuổi thọ của toàn bộ dây truyền. Để đảm bảo sản xuất, công ty phải mua nợ nguyên vật liệu, vật tư. Tuy nhiên, các nhà cung cấp hiện nay cũng không cho nợ thêm do số dư công nợ quá cao. Nhu cầu vốn lưu động tối thiểu năm 2021 dự kiến là 80 tỷ đồng, do hạn mức vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công thương tiếp tục giảm 50 - 100 triệu đồng/tháng vì không có tài sản đảm bảo. Như vậy, vốn ngắn hạn năm 2021 công ty thiếu trên 60 tỷ đồng.

Đồng thời, do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tiếp lỗ, bị xếp vào nhóm tín dụng xấu và mất khả năng trả nợ với các tổ chức tín dụng nên việc vay thêm vốn đầu tư dài hạn từ các ngân hàng là không khả thi. Mặt khác, toàn bộ tài sản, đất đai đã thế chấp tại ngân hàng nên việc vay thêm vốn lưu động là không thể. Nếu việc bổ sung vốn lưu động thiếu hụt không được tiến hành kịp thời để duy trì sản xuất sẽ dẫn tới đóng cửa nhà máy, ảnh hưởng tới việc làm của gần 300 lao động, các thiệt hại do máy móc thiết bị ngừng hoạt động, thiệt hại toàn bộ chi phí khấu hao, chi phí lãi vay ngắn hạn và dài hạn sẽ mất hoàn toàn nguồn thanh toán, ước tính tổng thiệt hại mỗi năm khoảng 54.000 triệu đồng (khấu hao 26.000 triệu đồng, lãi vay 24.000 triệu đồng, thực hiện chế độ đối với người lao động 5.300 triệu đồng,...). Toàn bộ nợ phải trả cho các Ngân hàng, các nhà thầu, các nhà cung cấp, cơ quan bảo hiểm và NSNN, tổng giá trị 601.539 triệu đồng sẽ không có khả năng hoàn trả, kéo theo hệ lụy về phong tỏa tài sản, kiện tụng, tranh chấp,... Toàn bộ hệ thống nhà phân phối và thị trường xi măng xây dựng từ trước đến nay sẽ bị phá vỡ.

II. Phương án sản xuất kinh doanh năm 2021:

1. Tình hình kinh tế - xã hội :

Năm 2021 được đánh giá là năm tiếp tục khó khăn đối với ngành xi măng cả nước nói chung và xi măng Phú Thọ nói riêng. Theo đánh giá của Vụ vật liệu xây dựng, áp lực tiêu thụ xi măng năm 2021 cao hơn năm 2020 khi mà nguồn cung của thị trường tăng thêm do sự xuất hiện của các nhà máy xi măng mới công suất lớn, xuất khẩu có nhiều tín hiệu khả quan nhưng khả năng chưa đáp ứng được kỳ vọng , trong khi dự báo nhu cầu xi măng năm 2021 tăng không đáng kể.

2. Mục tiêu, định hướng :

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là mục tiêu chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao

năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu “Xi măng Vĩnh Phú”.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021 (tối thiểu)	Tỷ lệ %	Kế hoạch 2021 (tối đa)	Tỷ lệ %
A	B	C	D	E	F=E/D	G	H=G/D
1	Sản lượng sản xuất sản phẩm						
1.1	Clinker lò quay	Tấn	202,260.00	220,000	108.77	245,000	121.13
1.2	Xi măng bột PCB40	Tấn	247,976.43	227,346.86	91.68	265,238.00	106.96
1.3	Xi măng bột PCB30	Tấn	49,252.60	42,653.14	86.60	49,762.00	101.03
1.4	Xi măng bao PCB40	Tấn	239,711.30	219,404.00	91.53	255,972.00	106.78
1.5	Xi măng bao PCB30	Tấn	49,566.35	42,654.00	86.05	49,762.00	100.39
1.6	Đá khách hàng	M3	62,602.33	-	-	-	-
2	Giá thành sản xuất sản phẩm						
2.1	Clinker lò quay	Đ/tấn SP	738,776	723,060	97.87	712,273	96.41
2.2	Xi măng bột PCB40	Đ/tấn SP	733,426	672,016	91.63	662,924	90.39
2.3	Xi măng bột PCB30	Đ/tấn SP	660,265	625,265	94.70	616,842	93.42
2.4	Xi măng bao PCB40	Đ/tấn SP	825,969	761,493	92.19	752,311	91.08

2.5	Xi măng bao PCB30	Đ/tấn SP	747,193	707,639	94.71	699,216	93.58
2.6	Đá khách hàng	Đ/m ³ SP	96,770	-	-	-	-
3	Tổng giá thành sản xuất sản phẩm	Tr. đồng	604,905	535,782	88.57	608,400	100.58
3.1	Clinker lò quay	Tr. đồng	149,425	159,073	106.46	174,507	116.79
3.2	Xi măng bột PCB40	Tr. đồng	181,872	152,781	84.00	175,833	96.68
3.3	Xi măng bột PCB30	Tr. đồng	32,520	26,670	82.01	30,695	94.39
3.4	Xi măng bao PCB40	Tr. đồng	197,994	167,075	84.38	192,571	97.26
3.5	Xi măng bao PCB30	Tr. đồng	37,036	30,184	81.50	34,794	93.95
3.6	Đá khách hàng	Tr. đồng	6,058	-	-	-	-
4	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	361,300	270,000		315,000	
4.1	Clinker lò quay	Tấn	-	-	-	-	-
4.2	Xi măng bột PCB40	Tấn	9,187.28	7,942.0	86.45	9,266.0	100.86
4.3	Xi măng bột PCB30	Tấn	-	-	-	-	-
4.4	Xi măng bao PCB40	Tấn	239,785.40	219,404	91.50	255,972	106.75
4.5	Xi măng bao PCB30	Tấn	49,724.91	42,654	85.78	49,762	100.07

4.6	Đá khách hàng	M3	62,602.33	-	-	-	-
5	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm	Tr. đồng	264,227	230,307	87.16	268,805	101.73
5.1	Clinker lò quay	Tr. đồng	-	-	-	-	-
5.2	Xi măng bột PCB40	Tr. đồng	6,287	5,920	94.17	6,907	109.87
5.3	Xi măng bột PCB30	Tr. đồng	-	-	-	-	-
5.4	Xi măng bao PCB40	Tr. đồng	204,560	187,689	91.75	218,971	107.04
5.5	Xi măng bao PCB30	Tr. đồng	47,364	37,376	78.91	43,604	92.06
5.6	Đá khách hàng	Tr. đồng	6,409	-	-	-	-
5.7	Chiết khấu thương mại	Tr. đồng	(867)	(677)	78.13	(677)	78.13
5.8	Doanh thu khác	Tr. đồng	474	-	-	-	-
6	Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	250,599	202,596	80.84	233,508	93.18
6.1	Clinker lò quay	Tr. đồng	-	-	-	-	-
6.2	Xi măng bột PCB40	Tr. đồng	6,048	5,337	88.25	6,143	101.57
6.3	Xi măng bột PCB30	Tr. đồng	-	-	-	-	-
6.4	Xi măng bao PCB40	Tr. đồng	198,138	167,075	84.32	192,571	97.19

6.5	Xi măng bao PCB30	Tr. đồng	40,133	30,184	75.21	34,794	86.70
6.6	Đá khách hàng	Tr. đồng	6,058	-	-	-	-
6.7	Giá vốn khác	Tr. đồng	222		-		-
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	16,450	14,589	88.68	15,272	92.84
7.1	- Chi phí nhân viên QLDN	Tr. đồng	6,159	5,226	84.84	5,909	95.93
7.2	- Chi phí vật liệu quản lý	Tr. đồng	830	1,017	122.54	1,017	122.54
7.3	- Chi phí CCDC quản lý	Tr. đồng	424	410	96.83	410	96.83
7.4	- Chi phí khấu hao TSCĐ	Tr. đồng	441	418	94.81	418	94.81
7.5	- Chi phí thuế, phí, lệ phí	Tr. đồng	2,929	3,390	115.77	3,390	115.77
7.6	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tr. đồng	5,668	4,127	72.82	4,127	72.82
8	Chi phí bán hàng	Tr. đồng	6,087	2,475	40.66	2,822	46.36
8.1	- Chi phí nhân viên bán hàng	Tr. đồng	3,213	1,719	53.50	2,006	62.42
8.2	- Chi phí vật liệu bán hàng	Tr. đồng		-	-	-	-
8.3	- Chi phí CCDC bán hàng	Tr. đồng		-	-	-	-
8.4	- Chi phí khấu hao TSCĐ	Tr. đồng		-	-	-	-

8.5	- Chi phí chào hàng, quảng cáo	Tr. đồng	431	246	57.08	246	57.08
8.6	- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ	Tr. đồng	2,331	420	18.02	480	20.59
8.7	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tr. đồng	112	90	80.40	90	80.40
9	Doanh thu tài chính	Tr. đồng	59	1	2.08	1	2.08
10	Chi phí tài chính	Tr. đồng	26,151	30,288	115.82	30,288	115.82
10.1	- Chi phí lãi vay	Tr. đồng	26,151	30,288	115.82	30,288	115.82
10.2	- Chiết khấu thanh toán	Tr. đồng		-	-	-	-
11	Thu nhập khác	Tr. đồng	2,686	-	-	-	-
12	Chi phí khác	Tr. đồng	348	-	-	-	-
13	Kết quả sản xuất kinh doanh	Tr. đồng	(32,665)	(19,640)	60.13	(13,083)	40.05

(Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt)

3. Các giải pháp tài chính cần thực hiện trong năm 2021 :

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện trong những năm qua và Kế hoạch sản xuất kinh năm 2021, để giải quyết được vấn đề khó khăn về tài chính cần phải giải quyết được vấn đề mất cân đối nguồn vốn và lỗ lũy kế (lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 304.018 triệu đồng). Đây là vấn đề mấu chốt quan trọng cần phải thực hiện ngay. Đánh giá được các tồn tại, các hạn chế và các mặt chưa đạt được trong năm 2020, để kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được hoàn thành, các công việc trọng tâm cần phải thực hiện như sau:

+ Tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để giảm chi phí cố định đơn vị, sử dụng hiệu quả kinh tế theo quy mô để tối đa hóa lợi nhuận gộp. Tăng chất lượng sản

phẩm bán ra và dịch vụ cung cấp để có thể bán hàng với giá cao hơn và cạnh tranh tốt hơn với các đối thủ khác.

+ Tích cực thu hồi số công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước (trên 6 tỷ đồng) nhằm bù đắp số dự phòng phải thu khó đòi đã trích và hạn chế việc trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tới.

+ Xây dựng kế hoạch trả nợ cụ thể cho các nhà thầu xây lắp và các nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu.

+ Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, sẵn sàng đổi mới và hoàn thành tốt công việc trong môi trường cạnh tranh, áp lực cao. Cần có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự các cấp để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh. Kết hợp hài hòa biện pháp giáo dục, hành chính với biện pháp kinh tế (chính sách tiền lương, tiền thưởng) để động viên người lao động yên tâm làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động tự giác thực hiện nhiệm vụ của mình với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định về quản trị nội bộ, đặc biệt là việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư đối với từng công đoạn sản xuất kinh doanh; nghiên cứu xây dựng và đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí nội bộ.

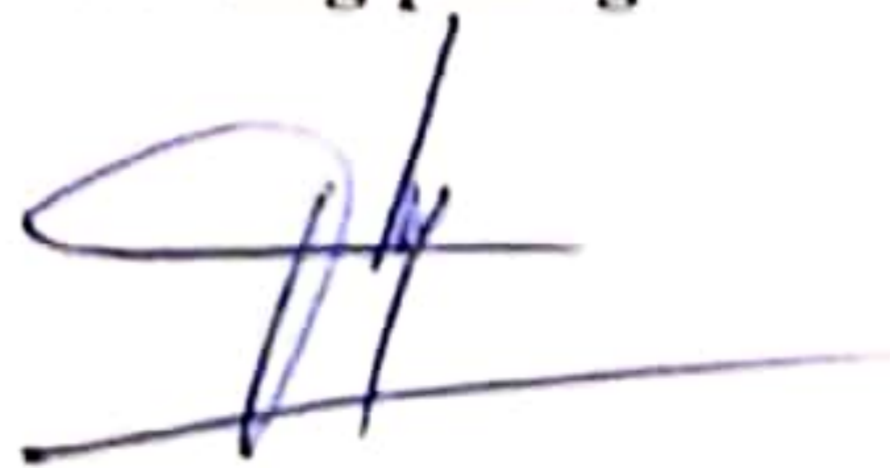
Trên đây là toàn bộ báo cáo dự thảo tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty năm 2020, kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên và đưa ra các ý kiến xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh năm 2021 tối ưu nhất giảm lỗ và lỗ lũy kế, khắc phục tình trạng mất cân đối vốn như hiện nay.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Trưởng ban KS;
- Lưu TCKT - VP.

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Trưởng phòng



Vũ Anh Phương